

3. Hạch toán dự phòng các khoản nợ phải thu khó đòi:

3.1. Hạch toán trích lập và hoàn nhập các khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi:

- Cuối niên độ kế toán, doanh nghiệp căn cứ vào các khoản phải thu khó đòi, dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra trong năm kế hoạch, kế toán tính xác định mức lập dự phòng các khoản nợ phải thu khó đòi, ghi:

Nợ TK 642 - Chi phí quản lý doanh nghiệp

Có TK 139 - Dự phòng phải thu khó đòi.

- Cuối niên độ kế toán sau, kế toán hoàn nhập các khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi đã lập cuối niên độ kế toán trước vào thu nhập bất thường, ghi:

Nợ TK 139 - Dự phòng phải thu khó đòi.

Có TK 721 - Các khoản thu nhập bất thường.

Đồng thời tính xác định mức trích lập dự phòng mới các khoản nợ phải thu khó đòi cho niên độ kế toán sau, ghi:

Nợ TK 642 - Chi phí quản lý doanh nghiệp

Có TK 139 - Dự phòng phải thu khó đòi.

3.2. Hạch toán xử lý xóa nợ các khoản nợ phải thu khó đòi.

- Việc xử lý xóa nợ các khoản nợ phải thu khó đòi không có khả năng đòi được, phải căn cứ vào quy định của chế độ tài chính hiện hành. Khi có quyết định cho phép xóa nợ, kế toán ghi:

Nợ TK 642 - Chi phí quản lý doanh nghiệp

Có TK 131 - Phải thu của khách hàng

Có TK 138 - Phải thu khác

.....

Đồng thời ghi đơn bên Nợ TK 004 - Nợ khó đòi đã xử lý.

Đối với các khoản nợ phải thu khó đòi đã xử lý cho xóa nợ, nếu sau đó lại thu hồi được nợ, kế toán căn cứ vào giá trị thực tế của khoản nợ thu hồi được, ghi:

Nợ TK 111 - Tiền mặt

Nợ TK 112 - Tiền gửi ngân hàng

Có TK 721 - Thu nhập bất thường.

Đồng thời ghi đơn bên Có TK 004 - Nợ khó đòi đã xử lý.

III. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

1. Thông tư này có hiệu lực sau khi ký 15 ngày. Mọi quy định trái với quy định của Thông tư này đều bãi bỏ.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, các doanh nghiệp kịp thời phản ánh về Bộ Tài chính để nghiên cứu, hướng dẫn giải quyết.

K.T. Bộ trưởng Bộ Tài chính

Thứ trưởng

VŨ MỘNG GIAO

THÔNG TƯ số 34/1998/TT-BTC ngày 21-3-1998 hướng dẫn bổ sung Thông tư số 42-TC/TCT ngày 1-6-1995 về lệ phí trước bạ.

Thi hành Nghị định số 193-CP ngày 29-12-1994 của Chính phủ quy định về lệ phí trước bạ, Bộ Tài chính đã có Thông tư số 42-TC/TCT ngày 1-6-1995 về lệ phí trước bạ đối với các đối tượng thuộc diện ưu đãi miễn trừ ngoại giao.

Qua thời gian thực hiện và để phù hợp với quy định của Pháp lệnh về Quyền ưu đãi, miễn trừ dành cho cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự và cơ quan đại diện của tổ chức quốc tế

tại Việt Nam, Bộ Tài chính hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Thông tư số 42-TC/TCT ngày 1-6-1995 như sau:

1. Bổ sung Điểm 1c Thông tư số 42-TC/TCT ngày 1-6-1995 về đối tượng không phải nộp lệ phí trước bạ xe ô-tô, xe gắn máy các loại đối với:

Nhân viên hành chính kỹ thuật của cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự nước ngoài, viên chức các tổ chức quốc tế liên Chính phủ được hưởng quyền ưu đãi, miễn trừ không phải là công dân Việt Nam hoặc không thường trú tại Việt Nam.

Các đối tượng không phải nộp lệ phí trước bạ quy định tại Điểm 1c Thông tư số 42-TC/TCT ngày 1-6-1995 và điểm này phải là những đối tượng được Bộ Ngoại giao Việt Nam hoặc các cơ quan ngoại vụ địa phương được Bộ Ngoại giao ủy quyền cấp chứng minh thư ngoại giao hoặc chứng minh thư công vụ.

2. Điểm 1c Thông tư số 42-TC/TCT quy định các đối tượng không phải nộp lệ phí trước bạ phải có xác nhận của Bộ Ngoại giao (Cục Phục vụ ngoại giao) hoặc các Ban, Sở Ngoại vụ các tỉnh, thành phố về việc đăng ký biển số xe NG, nay được sửa đổi như sau:

Các đối tượng thuộc diện không phải nộp lệ phí trước bạ hướng dẫn tại Thông tư số 42-TC/TCT ngày 1-6-1995 và Điểm 1 Thông tư này trước khi đăng ký phải kê khai và xuất trình cho cơ quan thuế địa phương nơi đăng ký quyền sở hữu, sử dụng xe hồ sơ về nguồn gốc hợp pháp của tài sản và chứng minh thư ngoại giao màu đỏ hoặc chứng minh thư công vụ màu vàng theo quy định của Bộ Ngoại giao.

Cơ quan thuế nhận được hồ sơ, thực hiện kiểm tra, đối chiếu tên người có xe ghi trên tờ khai với tên của người ghi trong chứng minh thư để xác nhận vào tờ khai theo hướng dẫn tại Điểm 1, Mục III, Thông tư số 19-TC/TCT ngày 16-3-1995 của Bộ Tài chính. Trường hợp kiểm tra đối tượng có xe đăng ký không thuộc diện ưu đãi miễn trừ

nêu trên thì phải hướng dẫn cho đối tượng thực hiện nộp lệ phí trước bạ theo chế độ quy định.

3. Thông tư này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày kể từ ngày ký. Các nội dung khác không sửa đổi, bổ sung tại Thông tư này vẫn thực hiện theo quy định hiện hành.

Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn vướng mắc, đề nghị các cơ quan phản ánh kịp thời về Bộ Tài chính để nghiên cứu giải quyết.

K.T. Bộ trưởng Bộ Tài chính
Thủ trưởng

VŨ MỘNG GIAO

THÔNG TƯ số 35/1998/TT-BTC ngày 21-3-1998 hướng dẫn về thủ tục miễn thuế nhập khẩu đối với các tổ chức, cá nhân tiến hành hoạt động dầu khí theo quy định của Luật Dầu khí.

Căn cứ Luật Dầu khí được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 7 tháng 7 năm 1993; Nghị định số 84-CP ngày 17-12-1996 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Dầu khí;

Căn cứ Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 12 tháng 11 năm 1996; Nghị định số 12-CP ngày 18-2-1997 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam; Nghị định số 10/1998/NĐ-CP ngày 23-1-1998 của Chính phủ về một số biện pháp khuyến khích và bảo đảm hoạt động đầu tư trực tiếp nước ngoài tại Việt Nam;

Căn cứ Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; Nghị định số 54-CP ngày 28-8-1993 của Chính